

Bản án số: 514/2026/HS-ST
Ngày: 28-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hải Trung

2/ Bà Võ Thị Nam

3/ Bà Phạm Thị Thanh Mẫn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Huy Phúc - Thư ký tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 610/2026/TLST-HS ngày 21/5/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4389/2026/QĐXXST-HS ngày 13/7/2026, đối với các bị cáo:

1. Tô Văn T; sinh ngày 15/02/1985, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: 188/24 Lê Đình C, Khu phố A, phường T, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Quốc K, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Quách Sơ K1, sinh năm 1958; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 10/12/2006, bị Công an phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; ngày 19/11/2018, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng. Ngày 30/12/2019 chấp hành xong cai nghiện.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2025 cho đến nay tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo** Tô Văn T: Ông Nguyễn Văn T1, Luật sư của Công ty L2 và Luật sư, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Hoàng Anh H; sinh ngày 14/7/1996, tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp C, xã M, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Hoàng H1, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 220/2014/HSST, ngày 21/7/2014, của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; theo Bản án hình sự sơ thẩm số 169/2017/HSST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 17/01/2020, chấp hành xong án phạt tù và đã nộp án phí.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09/01/2026 cho đến nay, tại Phân trại tạm giam B, Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo** Nguyễn Hoàng Anh H: Bà Lê Thị Minh N, Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Thị Ánh N1; sinh ngày 11/01/1996, tại tỉnh Sóc Trăng (Nay là thành phố Cần Thơ); nơi thường trú: ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã L, Thành phố Cần Thơ); chỗ ở trước khi bị bắt: không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ung Hoàng M, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1963; bị cáo có chồng tên: Tô Văn D, sinh năm 1989 và có 01 người con, sinh năm 2012; tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 08/6/2022, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng, đến ngày 15/5/2023 chấp hành xong cai nghiện.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2025, tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo** Nguyễn Thị Ánh N1: Ông Huỳnh Đức T2, Luật sư của Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

4. Đặng Văn Vũ L; sinh ngày 16/02/2005, tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: V, phường C, tỉnh An Giang; chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Long An (Nay là xã B, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn S, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Út H2, sinh năm 1979; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 19/12/2024, tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo** Đặng Văn Vũ L: Bà Nguyễn Thị Ngọc H3, Luật sư của Công ty L3 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

5. Ngô Minh T3; sinh ngày 22/11/1993, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: 735 ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã R, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Minh V, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2015/HSST ngày 03/6/2015, của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; theo Bản án hình sự phúc thẩm số 492/2015/HSPT ngày 18/8/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm y án, đến ngày 15/12/2017, chấp hành xong án phạt tù và hình phạt bổ sung.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2025, tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa chỉ định cho bị cáo** Ngô Minh T3: Bà Lê Thị Minh N, Luật sư của Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

6. Giang Tấn Đ1; sinh ngày 15/6/1980 tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: C12/20C tổ A, Ấp B, xã T, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giang Tấn P, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1951; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2025, tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo** Giang Tấn Đ1: Bà Nguyễn Thị Ngọc H3, Luật sư của Công ty L3 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

7. **Dương** Nguyễn Thị Mỹ C1; sinh ngày 13/7/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 3 P, Phường G, Quận H (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Thanh B, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1980; bị cáo có chồng tên Võ Tấn T4, sinh năm 1999 và có 01 người con, sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/01/2025 đến ngày 27/4/2025 và bị bắt tạm giam từ ngày 28/4/2025 đến nay, tại Phân trại tạm giam Chánh Hưng, Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

8. Huỳnh Phú M1; sinh ngày 09/02/1999, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: A T, Phường A, Quận F (phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh H5, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2025 đến nay, tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

9. Trịnh Việt Hoài P1; sinh ngày 14/12/1985, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: 550/23/10 Hồ N, Phường A, Quận A (nay là phường M), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Việt T5, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị H6, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2025 đến nay, tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

10. Huỳnh Văn Đ2; sinh ngày 29/01/1996 tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp F, xã B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Đ3, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2024 đến nay, tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trần Thị Thu T6, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh). (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Ông Trịnh Việt T7, sinh năm 1984; nơi cư trú: X N, phường P, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Ông Dương Văn A, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ A, khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

4/ Ông Đặng Văn S, sinh năm 1972; nơi cư trú: V, phường V, thành phố C (nay là phường C), tỉnh An Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa)

5/ Ông Huỳnh Văn Đ2; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh). (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16 giờ ngày 19/12/2024, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện B phối hợp Công an xã T tuần tra đến trước nhà số A, đường Đ, Ấp G, xã T, huyện B phát hiện Đặng Văn V1 Luân điều khiển xe mô tô biển số 62H6-0007 có biểu hiện nghi vấn nên dừng xe kiểm tra. Qua kiểm tra, lực lượng Công an phát hiện tại vị trí treo đồ bên phải xe của L có 01 bịch nylon màu hồng bên trong có 01 hộp giấy chứa nhiều ống thủy tinh chứa tinh thể là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,7264g Methamphetamine. Tiếp tục kiểm tra, Công an thu giữ trong túi quần L đang mặc có 02 gói nylon chứa tinh thể là ma túy ở thể rắn có khối lượng 2,9416g Methamphetamine. L khai nhận là ma túy cất giữ mục đích để bán lại cho người khác kiếm lời. Do đó, Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng theo quy định. Cùng ngày, Công an khám xét khẩn cấp chỗ ở của L tại nhà không số, Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Long An thu giữ 02 gói nylon chứa tinh thể là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,4516g Methamphetamine.

Qua truy xét, Cơ quan Công an xác định L mua ma túy của Ngô Minh T3 về giao lại cho Huỳnh Văn Đ2 để hưởng tiền công. Công an huyện B tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đ2 tại nhà không số, Ấp F, xã A, huyện B, tỉnh Long An. Kết quả: thu giữ 07 gói nylon chứa tinh thể là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,4139g Methamphetamine.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án: L và Đ2 khai nhận mua ma túy của Ngô Minh T3. Cơ quan Công an tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T3 tại địa chỉ: G, ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Long An phát hiện và thu giữ 01 gói nylon chứa tinh thể là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,8424g Methamphetamine và 02 gói nylon chứa chất bột màu hồng là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,4018g MDMA và dụng cụ để mua bán ma túy.

Từ lời khai của L, ngày 25/12/2024, Cơ quan Công an tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Dương Nguyễn Thị Mỹ C1 tại địa chỉ: Kế nhà E, ấp A, xã P, huyện B thu giữ 01 gói nylon chứa tinh thể là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,2428g Methamphetamine.

T3 và C1 khai nhận mua ma túy của Tô Văn T. Cơ quan Công an tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại địa chỉ: P, Nhà T L, phường T, Quận B phát hiện thu giữ 04 gói nylon chứa tinh thể là ma túy ở thể rắn có khối lượng 143,5g Methamphetamine và dụng cụ dùng để mua bán ma túy.

T khai nhận mua ma túy của Nguyễn Hoàng Anh H về bán lại cho T3 và C1. Ngoài ra, T còn mua bán ma túy liên quan đến các đối tượng: Nguyễn Thị Ánh N1, Huỳnh Phú M1, Nguyễn Hoàng Anh H, Trịnh Việt Hoài P1, Giang Tấn Đ1 nên Cơ quan Công an tiến hành mời các đối tượng trên về làm việc. Cơ quan

điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị Ánh N1, Trịnh Việt Hoài P1. Kết quả: không thu giữ ma túy.

Toàn bộ số ma túy bị thu giữ được đưa đi giám định thể hiện tại Bản kết luận giám định số 897, 898/KL-KTHS ngày 05/12/2024; số 840/KL-KTHS ngày 03/01/2026.

Tại Cơ quan điều tra các bị can khai nhận hành vi phạm tội như sau:

1/ Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Đặng Văn Vũ L, Huỳnh Văn Đ2, Ngô Minh T3:

Khoảng tháng 12/2024, Đặng Văn V1 Luân biết Ngô Minh T3 hoạt động mua bán ma túy nên ngày 17/12/2024, L đến nhà T3 mua 2,5g Methamphetamine với giá 1.200.000 đồng và chuyển khoản tiền qua ví M2 cho T3, L đem ma túy về sử dụng và bán lại cho 02 người không rõ lai lịch tại trước nhà của L, còn lại 02 gói ma túy L cất giấu trong nhà.

Ngày 19/12/2024, L tiếp tục đến nhà T3 mua 2,5g Methamphetamine với giá 1.200.000 đồng, L nợ lại tiền, T3 đồng ý và bán cho L 02 gói ma túy với nhiều nỗ lực tinh có bám dính ma túy, trên đường về thì L bị Công an kiểm tra phát hiện và thu giữ ma túy như nêu trên.

Ngoài ra, ngày 10/12/2024, Huỳnh Văn Đ2 nhờ L đến nhà T3 mua 4.200.000 đồng ma túy rồi đem ma túy về đưa cho Đ2, Đ2 cho L 01 ít ma túy để sử dụng là trả tiền công. Ngày 17/12/2024, T3 nhờ L đem ma túy về đưa cho Đ2, T3 trả tiền công cho L 200.000 đồng. T3 còn kêu L đến gặp Tô Văn T mua ma túy đem về cho T3 03 lần và T3 trả tiền công cho L mỗi lần 300.000 đồng.

Ngày 03/12/2024 và 14/12/2024 L mua ma túy của D2 Nguyễn Thị Mỹ C1 02 lần, mỗi lần 01 hộp 10 (tức 10g) ma túy Methamphetamine với giá 3.700.000 đồng, thanh toán bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ví momo của C1.

Huỳnh Văn Đ2 khai: Ngày 10/12/2024, Đ2 liên hệ Ngô Minh T3 mua 01 gói ma túy với giá 4.200.000 đồng; ngày 17/12/2024, Đ2 tiếp tục mua 01 gói ma túy của T3 với giá 4.500.000 đồng. Cả 02 lần này, L là người đem ma túy về đưa cho Đ2, phù hợp với lời khai của L. Số ma túy trên Đ2 phân chia ra 02 phần, 01 phần để trong túi nylon lớn, 01 phần chia ra làm 10 gói nylon nhỏ bán lại kiếm lời. Đ2 đã bán 03 gói ma túy cho 03 khách không rõ lai lịch, giá mỗi gói từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, còn lại 07 gói ma túy Đ2 để trong hũ nhựa chữ Coolair. Ngày 18/12/2024, Đ2 nghe có nhiều người bị bắt do bán ma túy nên lo sợ và đem túi nylon lớn đựng ma túy vứt bỏ dưới sông gần nhà, còn lại hũ nhựa chữ Coolair chứa 07 gói nylon ma túy, Đ2 không nhớ để ở đâu. Đến ngày 20/12/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện B khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đ2 thu giữ hũ nhựa chữ Coolair chứa 07 gói ma túy như nêu trên.

Ngô Minh T3 khai: Khoảng tháng 11/2024, T3 tham gia mua bán ma túy, nguồn ma túy T3 mua của Tô Văn T để bán cho nhiều người. Cụ thể: Lần 1 (không nhớ rõ ngày): T3 mua 10g ma túy Methamphetamine với giá 3.500.000 đồng, T

nói Giang Tấn Đ1 đem ma túy đến giao cho T3. Lần 02 và 03: T3 nói Đặng Văn V1 Luân đến gặp T mua mỗi lần 10g Methamphetamine với giá 3.500.000 đồng, giao bằng tiền mặt rồi đem về cho T3. Lần 4 ngày 11/12/2024: Thiện chuyển khoản 7.000.000 đồng mua 20g ma túy Methamphetamine cho T, T3 kêu Đặng Văn V1 Luân đến gặp T nhận ma túy đem về cho T3. Lần 5: ngày 20/12/2024, T3 liên hệ T đặt mua 10g Methamphetamine với giá 3.500.000 đồng và T3 trực tiếp đến trước nhà T nhận ma túy. T3 chuyển khoản tiền mua ma túy qua Ngân hàng S1 của T số 060260376260 tên “TO VAN TAI”. Số ma túy này T3 mua về để sử dụng và bán lại cho Đặng Văn V1 Luân với Huỳnh Văn Đ2 phù hợp với lời khai của L và Đ2. Đối với số ma túy 0,4018g MDMA, T3 mua của một người không rõ lai lịch về để bán nhưng chưa kịp bán thì bị thu giữ.

[2]. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, Tô Văn T, Nguyễn Hoàng Anh H, Giang Tấn Đ1, Nguyễn Thị Ánh N1:

Thông qua bạn giới thiệu, Dương Nguyễn Thị Mỹ C1 biết Tô Văn T bán ma túy nên đã nhiều lần mua ma túy của T về bán cho khách. Cụ thể: Lần 01 không nhớ rõ thời gian cụ thể, mua của T 01 hộp 5 (tức 05g) ma túy Methamphetamine với giá 1.800.000 đồng trả tiền mặt tại trước nhà T. Lần 02: ngày 03/12/2024, mua của T 01 hộp 10 (10g) Methamphetamine với giá 3.500.000 đồng tại trước nhà T, chuyển khoản từ ví M2 đến tài khoản của T ngân hàng S1 số 060260376260 tên TO VAN TAI. Lần 03: ngày 14/12/2024, mua của T 01 hộp 10 (10g) Methamphetamine với giá 3.500.000 đồng tại trước nhà T, chuyển khoản từ ví Momo đến tài khoản của T. Sau đó, bán lại cho Đặng Văn V1 Luân 02 lần phù hợp với lời khai của L. Ngoài ra, C1 còn bán ma túy cho 01 nam thanh niên tên T7 không rõ lai lịch.

Tô Văn T khai: T bắt đầu hoạt động mua bán ma túy vào tháng 11/2024, nguồn ma túy T mua của Nguyễn Hoàng Anh H (tên thường gọi là Bi A1) rồi phân chia ra bán lại kiếm lời trong đó có bán cho Ngô Minh T3, Nguyễn Thị Ánh N1. Tháng 12/2024, T tiếp tục mua ma túy của H và bán cho Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, Nguyễn Thị Ánh N1, Ngô Minh T3 và 02 người không rõ lai lịch. Cụ thể như sau: T bán ma túy cho T3 05 lần phù hợp với lời khai của T3, L, Đ1. Đồng thời, T bán ma túy cho C1 03 lần phù hợp với lời khai của C1. Ngoài ra, ngày 24/12/2024, H gửi 200g ma túy Methamphetamine cho T để bán cho N1 50g Methamphetamine với giá 14.000.000 đồng và 100g Methamphetamine bán cho “Dũng Bành” không rõ lai lịch, số ma túy còn lại T mua cất giữ để bán cho khách. Sau đó, T khai chuyển khoản số tiền 45.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng mang tên TRAN VAN THE (tài khoản này của chủ cửa hàng điện thoại có dịch vụ rút tiền) theo yêu cầu của H và đưa thêm cho H 11.000.000 đồng tiền mặt. Ngày 25/12/2024, T bán 50g Methamphetamine cho N1 với giá 14.000.000 đồng và N1 đã chuyển khoản số tiền 13.000.000 đồng, nợ lại 1.000.000 đồng. Lần mua ma túy này T chưa giao cho N1 thì bị Cơ quan Công an khám xét thu giữ.

Đối với Giang Tấn Đ1: Đ1 làm nghề chạy xe ôm công nghệ và quen biết T. T kêu Đ1 giao ma túy cho T, tùy theo đoạn đường xa gần mà T trả tiền công cho Đ1 từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng.

Nguyễn Hoàng Anh H khai nhận: Hào tham gia mua bán ma túy cùng với Tô Văn T, nguồn ma túy H mua của H7 (không rõ lai lịch) và giao ma túy cho T tổng cộng 150g Methamphetamine, cụ thể: Ngày 24/12/2024, H nói Giang Tấn Đ1 đi nhận 100g Methamphetamine tại đường N, gần quán K4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An từ một thanh niên không rõ lai lịch để nhận ma túy đem về đưa cho T, lần này H trả công cho Đ1 300.000 đồng. Cũng trong ngày 24/12/2024, H tiếp tục đặt mua 50g Methamphetamine và nói Giang Tấn Đ1 đi lấy ma túy, tuy nhiên do Đ1 bận nên H trực tiếp đi nhận ma túy và giao cho T. T trả công cho H 1.500.000 đồng về 02 lần mua bán ma túy như trên. Đồng thời, H nói T chuyển 38.000.000 đồng để trả tiền mua ma túy cho H7. H đưa số tài khoản của H7 cho T và T nói H đem số tài khoản này đến tiệm điện thoại Tuấn K2 (không rõ địa chỉ) gặp chủ tiệm nói chuyển 38.000.000 đồng theo yêu cầu của T, sau đó H đi về. H không thừa nhận bán 200g Methamphetamine cho T và Dũng B1 và cũng như bán ma túy cho T trước tháng 12/2024.

Nguyễn Thị Ánh N1 mua ma túy của T nhiều lần từ đầu tháng 11/2024 cho đến khi bị bắt, mục đích để sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời. Nhưng chỉ nhớ cụ thể ngày 24/12/2024: N1 mua nửa lạng ma túy của Nguyễn Hoàng Anh H với giá 14.000.000 đồng và N1 đến gặp T nhận ma túy. Sau đó, N1 bán nửa lạng ma túy lại cho D3 (không rõ lai lịch) với giá 15.000.000 đồng. Ngày 25/12/2024, N1 tiếp tục đặt mua 50g Methamphetamine của T với giá 14.000.000 đồng và đã chuyển khoản cho T 13.000.000 đồng nhưng chưa kịp nhận ma túy thì bị Công an đưa về làm việc, phù hợp lời khai của T. Ngoài ra, N1 còn bán ma túy cho Trịnh Việt H8 Phong 03 lần và 02 người không rõ lai lịch. Cụ thể: lần cuối là ngày 25/12/2024, N1 bán cho P1 05g ma túy Methamphetamine với giá 2.300.000 đồng và N1 nói Huỳnh Phú M1 đến giao ma túy cho P1, phù hợp lời khai của M1 và P1.

Giang Tấn Đ1 làm nghề chạy xe ôm công nghệ và quen biết T. T nói Đ1 phụ giúp giao ma túy cho T sẽ trả tiền công cho Đ1 từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng. Đ1 đồng ý và nhận 10g Methamphetamine của T đến giao cho T3 phù hợp lời khai của T và T3. Ngoài ra, ngày 24/12/2024, Đ1 còn phụ giúp Nguyễn Hoàng Anh H giao 100g ma túy Methamphetamine đến chỗ ở của T và được H trả công 300.000 đồng.

[3]. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị Ánh N1, Trịnh Việt Hoài P1, Huỳnh Phú M1:

Do có nhu cầu mua ma túy về sử dụng và bán cho người nghiện nên Trịnh Việt Hoài P1 đã nhiều lần mua ma túy của N1 về bán lại cho người khác. Ngày 25/12/2024, P1 chuyển khoản 2.300.000 đồng để mua 05g Methamphetamine và M1 là người giao ma túy cho P1. Sau đó, P1 phân ra bán lại cho các đối tượng

K3, H9, T8 (không rõ lai lịch), còn lại thì P1 đem về sử dụng hết, phù hợp lời khai của N1 và M1.

Huỳnh Phú M1 tham gia phụ giúp giao ma túy cho N1 và được N1 trả tiền công từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Ngày 25/12/2024, theo yêu cầu của N1, M1 đi giao 05g Methamphetamine cho Trịnh Việt Hoài P1 và 02 người không rõ lai lịch. Lời khai của M1 phù hợp lời khai của N1 và P1.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tài khoản ngân hàng mang tên TRAN VAN THE tuy nhiên kết quả trả lời, không tồn tại số tài khoản ngân hàng nêu trên nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh thông tin chủ tài khoản ngân hàng để làm rõ hành vi liên quan để xử lý.

*** Vật chứng vụ án:**

-Tạm giữ của Đặng Văn Vũ L, gồm:

+01 bịch nylon màu hồng; 01 hộp giấy bên trong có nhiều ống thủy tinh chứa tinh thể; 01 bóp da màu đen; 02 gói nylon chứa tinh thể; 02 gói nylon chứa tinh thể; 01 đoạn ống nhựa, 02 cái kéo; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 gói nylon rỗng; 01 hộp giấy màu đỏ.

+01 xe máy biển số 62H6-0007, số máy: 5VT108972, số khung: VYAJ5VT13YA008972;

+01 điện thoại di động hiệu Iphone có số EMEI1: 357371098450590, IMEI2: 357371098605441; 01 cân điện tử;

-Tạm giữ của Huỳnh Văn Đ2, gồm:

+ 01 hũ nhựa có chữ Coolair bên trong có 07 gói nylon chứa tinh thể; 02 đoạn ống nhựa; 02 cây kéo;

+ 01 xe máy biển số 62N1-816.74, số máy: KC34E1309817, số khung: RLHKC4400NY002440;

+01 điện thoại di động hiệu Samsung có số EMEI1: 352469858257794/01, IMEI2: 357132378257794/01 cùng sim 0898941733; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A53 có số EMEI1: 864326055057354, IMEI2: 864326055057347 cùng sim 0356301737, 0329539524.

-Tạm giữ của Ngô Minh T3, gồm:

+ 01cây kéo; 01 hộp giấy màu đỏ bên trong có 03 gói nylon chứa tinh thể; 15 gói nylon rỗng; 01 cân điện tử; 01 giá nhựa màu đen; 03 đoạn ống hút nhựa.

+ 01 điện thoại di động loại Infinix, EMEI 1:354940436878481, EMEI 2:354940436878499.

-Tạm giữ của Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, gồm:

+ 01 hộp giấy bên ngoài có ghi chữ LEOPARD; 01 gói nylon chứa tinh thể; 05 gói nylon rỗng; 01 đoạn ống hút nhựa có 01 đầu cắt nhọn

+01 cân điện tử; 01 điện thoại di động loại Xiaomi, EMEI 1: 863645056685900/00, EMEI 2:8636450566685918/00.

-Tạm giữ của Tô Văn T, gồm:

+ 04 gói nylon chứa tinh thể; 14 gói nylon rỗng; 02 đoạn ống hút nhựa;

+01 cân điện tử; 01 điện thoại di động loại Iphone 16 Plus, EMEI 1: 355648189681247, EMEI 2:355648189625244; 01 điện thoại di động loại Iphone 16, EMEI 1: 356657559471328, EMEI 2:356657557757603.

-Tạm giữ của Nguyễn Thị Ánh N1, gồm: 01 điện thoại di động loại Iphone; 01 điện thoại di động loại Vivo.

-Tạm giữ của Trịnh Việt Hoài P1, gồm:

+01 điện thoại di động loại Xiaomi Redmi, EMEI 1: 864300064491243, EMEI 2:864300064491250.

+ 01 xe máy biển số 54M2-8565

-Tạm giữ của Giang Tấn Đ1, gồm:

+ 01 điện thoại di động loại OPPO, EMEI 1: 860202042601378

+ 01 xe máy biển số 70B1-462.10

***Tại bản Cáo trạng số 1020/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 15/5/2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo như sau:**

- Truy tố các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Hoàng Anh H, Nguyễn Thị Ánh N1, Giang Tấn Đ1, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*).

- Truy tố bị cáo Đặng Văn Vũ L, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*).

- Truy tố bị cáo Ngô Minh T3⁽⁶⁾, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*).

- Truy tố các bị cáo Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, Trịnh Việt Hoài P1, Huỳnh Phú M1, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*).

- Truy tố bị cáo Huỳnh Văn Đ2, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*).

***Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:**

- Các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Hoàng Anh H, Nguyễn Thị Ánh N1, Giang Tấn Đ1, Đặng Văn Vũ L, Ngô Minh T3, Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, Trịnh Việt

Hoài P1, Huỳnh Phú M1 và Huỳnh Văn Đ2 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo là đúng. Các bị cáo đều xác định quá trình điều tra các bị cáo không bị mớm cung, bức cung, nhục hình, các lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu quan điểm kết luận vụ án:

Sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân sau khi nêu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Hoàng Anh H, Nguyễn Thị Ánh N1, Giang Tấn Đ1, Đặng Văn Vũ L, Ngô Minh T3, Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, Trịnh Việt Hoài P1, Huỳnh Phú M1 và Huỳnh Văn Đ2, đã giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị như sau:

+ Tuyên bố bị cáo Tô Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Tô Văn T 20 năm tù. Đồng thời, buộc bị cáo Tô Văn T phải nộp số tiền là 20.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Anh H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Anh H 20 năm tù. Đồng thời, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Anh H phải nộp số tiền là 20.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

+ Tuyên bố bị cáo Giang Tấn Đ1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Giang Tấn Đ1 từ 18 đến 19 năm tù.

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ánh N1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh N1 20 năm tù. Đồng thời, buộc bị cáo Nguyễn Thị Ánh N1 phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

+ Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Vũ L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, áp dụng điểm b khoản 3 và khoản 6 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Văn V1 Luân từ 17

đến 18 năm tù. Đồng thời, buộc bị cáo Đặng Văn Vũ L phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

+ Tuyên bố bị cáo Ngô Minh T3 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm h khoản 3 và khoản 6 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Minh T3 từ 17 đến 18 năm tù. Đồng thời, buộc bị cáo Ngô Minh T3 phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

+ Tuyên bố bị cáo Dương Nguyễn Thị Mỹ C1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm b, i khoản 2 và khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Dương Nguyễn Thị Mỹ C1 từ 9 đến 10 năm tù. Đồng thời, buộc bị cáo Dương Nguyễn Thị Mỹ C1 phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

+ Tuyên bố bị cáo Trịnh Việt Hoài P1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm b, i khoản 2 và khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Việt Hoài P1 từ 8 đến 9 năm tù. Đồng thời, buộc bị cáo Trịnh Việt Hoài P1 phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

+ Tuyên bố bị cáo Huỳnh Phú M1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Phú M1 từ 7 đến 8 năm tù.

+ Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn Đ2 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ2 từ 7 năm 6 tháng tù đến 8 năm tù. Đồng thời, buộc bị cáo Huỳnh Văn Đ2 phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị xử lý vật chứng và nghĩa vụ nộp án phí của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Tô Văn T không tranh luận và đề nghị luật sư bào chữa cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Văn T1 *trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo* Tô Văn T: Luật sư thống nhất về tội danh mà Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Tô Văn T, nhưng theo lời khai của bị cáo T tại Cơ quan điều tra thì bị cáo T không thừa nhận số ma túy có khối lượng 200 gam loại Methamphetamine là bị cáo mua của H, mà cho rằng đây là số ma túy của bị cáo H. Ngoài lời khai của bị cáo T thì không có chứng cứ nào chứng minh 200 gam ma túy là của bị cáo T, nên theo nguyên tắc

suy đoán vô tội thì bị cáo T không có nghĩa vụ phải chứng minh số ma túy trên là của mình. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ số lượng mà Cáo trạng truy tố là 150g Methamphetamine mua của H để bán cho N1 và D Bành có phải nằm trong số 200 gam mà T mua của bị cáo H hay không và số 50 gam còn lại là như thế nào. Đối với 143,5 gam ma túy Methamphetamine còn lại, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét số ma túy này đã kịp thời bị thu giữ nên chưa phát tán ra xã hội. Về nhân thân, bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án dưới mức án mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Tô Văn T đồng ý một phần lời bào chữa của luật sư và không tranh luận bổ sung, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Các bị cáo Nguyễn Hoàng Anh H và Ngô Minh T3 không tranh luận và đề nghị luật sư bào chữa cho các bị cáo.

Luật sư Lê Thị Minh N trình bày quan điểm bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hoàng Anh H và Ngô Minh T3:

Luật sư thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự do tình tiết tăng nặng của bị cáo đã thuộc tình tiết định khung. Về nhân thân, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn; có trình độ học vấn thấp; sau khi bị bắt các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, nên đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và đồng thời miễn, giảm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng Anh H và Ngô Minh T3 đồng ý với lời bào chữa của luật sư và không bào chữa bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt với mức thấp nhất cho các bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ánh N1 không tranh luận và đề nghị luật sư bào chữa cho bị cáo.

Luật sư Huỳnh Đức T2 trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ánh N1: Luật sư thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong số 105 gam ma túy bị truy tố thì có 50 gam ma túy đã bị Cơ quan điều tra phát hiện kịp thời nên chưa phát tán ra xã hội; bị cáo phạm tội lần đầu, có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ; có trình độ học vấn thấp; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo và miễn, giảm hình phạt bổ sung đối với bị cáo N1.

Bị cáo Nguyễn Thị Ánh N1 thống nhất với lời bào chữa của Luật sư và không bào chữa bổ sung.

- Các bị cáo Đặng Văn Vũ L và Giang Tấn Đ1 không tranh luận và đề nghị luật sư bào chữa cho các bị cáo.

Luật sư Nguyễn Thị Ngọc H3 trình bày quan điểm bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn Vũ L và Giang Tấn Đ1:

Luật sư thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo Đặng Văn V1 L và Giang Tấn Đ1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nhưng đề nghị xem xét bị cáo Giang Tấn Đ1 chỉ có hành vi giúp sức với vai trò rất mờ nhạt; sau khi bị bắt các bị cáo Đ1 và L đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có trình độ học vấn thấp nên có nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo Giang Tấn Đ1 là lao động chính trong gia đình, cha mẹ bị cáo khi đã lớn tuổi; bị cáo L có tuổi đời còn trẻ nên có nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo L có hoàn cảnh khó khăn, mẹ của bị cáo mắc bệnh phải mổ tim; các bị cáo G và L đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và miễn, giảm hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

Các bị cáo Đặng Văn Vũ L và Giang Tấn Đ1 thống nhất với lời bào chữa của Luật sư và không bào chữa bổ sung. Đồng thời cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bị cáo Dương Nguyễn Thị Mỹ C1 bào chữa, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và khi phạm tội thì bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, bị cáo đã nhận thức hành vi của mình là sai và đã ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Huỳnh Phú M1 không tự bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Trịnh Việt Hoài P1 không tự bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Huỳnh Văn Đ2 tự bào chữa như sau: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có nhân thân tốt, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

-Đại diện Viện kiểm sát đối đáp như sau: Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị làm rõ về khối lượng 200 gam ma túy mua của bị cáo H, thì nội dung này đã được Viện kiểm sát đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung và theo kết quả điều tra và lời khai của H thì H chỉ phụ giúp giao 150 gam ma túy cho bị cáo T, phù hợp với lời khai của bị cáo Đ1, bị cáo N1 và Dũng B1; bị cáo T chỉ có lời khai số ma túy trên là của bị cáo H nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh, nên không có cơ sở để xem xét. Các bị cáo T, H, N1, Đ1, L, T3 phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Đối với bị cáo N1, số ma túy 50 gam Methamphetamine mà Công an phát hiện là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo,

chứ không phải số ma túy chưa được phát tán ra ngoài xã hội như lời bào chữa của Luật sư.

Đối với hình phạt bổ sung, Viện kiểm sát chỉ đề nghị xử phạt bị cáo L 10.000.000 đồng. Đối với bị cáo Đ1 có hành vi giúp sức cho bị cáo T và bị cáo H, nên Viện kiểm sát đã đề nghị mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo mà các Luật sư trình bày, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng nếu có căn cứ. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị.

- *Luật sư Nguyễn Văn T1 đối đáp như sau:* Do bị cáo T thừa nhận 200 gam ma túy là bị cáo mua để bán lại như nội dung của bản Cáo trạng nên Luật sư thống nhất và không tranh luận gì khác.

Qua nội dung đối đáp, các luật sư và đại diện Viện kiểm sát đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày và cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng theo các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Hoàng Anh H, Nguyễn Thị Ánh N1, Giang Tấn Đ1, Đặng Văn Vũ L, Ngô Minh T3, Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, Trịnh Việt Hoài P1, Huỳnh Phú M1 và Huỳnh Văn Đ2 thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong; biên bản mở niêm phong và giao, nhận đối tượng giám định; kết luận giám định, lời khai của các bị cáo, biên bản đối chất và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu chứng cứ, vật chứng có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo này là phù hợp với các lời khai của các bị cáo khác tại phiên tòa, cũng như lời khai, các tài liệu chứng cứ, vật chứng có trong hồ sơ vụ án, cũng như theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 4 Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025, thì tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có quy định hình phạt cao nhất là tử hình, nặng hơn so với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 có hình phạt tù cao nhất là Tù chung thân. Vì vậy, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo thì Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025, từ đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định như sau:

- **Đối với bị cáo Tô Văn T:** Khoảng đầu tháng 11/2024, Tô Văn T hoạt động mua bán ma túy và bán cho nhiều người trong đó có bán cho Ngô Minh T3, Nguyễn Thị Ánh N1, đến tháng 12/2024, Tô Văn T tham gia mua bán ma túy với Nguyễn Hoàng Anh H và bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang tại chỗ ở của T tại phòng trọ số C, nhà trọ 2 L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ ma túy có khối lượng 49,92 gam, loại Methamphetamine và 93,58 gam, loại Methamphetamine, số ma túy trên Tài khai mua ma túy của H và bán lại cho Nguyễn Thị Ánh N1, Ngô Minh T3, Dương Nguyễn Thị Mỹ C1 và Dũng B1 (không rõ lai lịch). Do vậy, Tô Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng 383,5 gam, loại Methamphetamine (gồm 150 gam, loại Methamphetamine mua của H để bán cho N1 và Dũng B1, được thể hiện qua sao kê tài khoản; 05 gam, loại Methamphetamine đã bán cho N1 vào khoảng tháng 11/2024; 60 gam, loại Methamphetamine đã bán cho T3; 25 gam, loại Methamphetamine đã bán cho C1 và 143,5 gam, loại Methamphetamine khám xét thu giữ).

Bị cáo Nguyễn Hoàng Anh H phải chịu trách nhiệm về khối lượng ma túy 150 gam, loại M3 đã bán cho T và N1 vào ngày 24/12/2024. Ngoài ra lời khai của T về việc nhận ma túy 200 gam Methamphetamine từ Hào vào ngày 24/12/2025, qua kết quả xác minh ngoài lời khai của T không có chứng cứ nào khác chứng minh H mua bán 200 gam ma túy Methamphetamine cho T, nên chỉ có đủ cơ sở buộc H phải chịu trách nhiệm đối với 150g Methamphetamine như nêu trên.

Bị cáo Giang Tấn Đ1 là đồng phạm với Nguyễn Hoàng Anh H vì có hành vi phụ giúp cho H giao ma túy cho Tô Văn T vào ngày 24/12/2024 với khối lượng ma túy 100 gam, loại Methamphetamine. Ngoài ra, trước đó tháng 11/2024 Đ1 phụ giúp cho Tô Văn T giao ma túy với khối lượng 10 gam, loại Methamphetamine cho Ngô Minh T3, tổng khối lượng ma túy Giang Tấn Đ1 phải chịu trách nhiệm hình sự là 110 gam, loại Methamphetamine.

Bị cáo Nguyễn Thị Ánh N1 phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng 105 gam, loại Methamphetamine (gồm 50 gam, loại Methamphetamine mua của H (do bị cáo T giao) vào ngày 24/12/2024 để bán cho D3 (không rõ lai lịch); 05 gam, Methamphetamine mua của T trước đó để bán cho Trịnh Việt Hoài P1 và 50 gam, loại Methamphetamine đặt mua của T để bán cho D3 vào ngày 25/12/2024, lần này N1 đã chuyển khoản nhưng chưa kịp nhận ma túy thì bị Công an phát hiện, thu giữ).

Nên hành vi phạm tội nêu trên của Tô Văn T, Nguyễn Hoàng Anh H, Giang Tấn Đ1 và Nguyễn Thị Ánh N1 là đồng phạm, cùng đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp “*Methamphetamine có khối lượng từ 100 gam đến dưới 03 kilôgam*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

- Đối với Đặng Văn Vũ L có hành vi mua ma túy của Tô Văn T về bán lại cho khách kiếm lời. Ngoài ra, L còn giúp T3 đi mua ma túy của T và mua ma túy

dùng cho Huỳnh Văn Đ2. Do vậy, L phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng khối lượng 66,168 gam, loại Methamphetamine (gồm 20 gam, loại Methamphetamine mua của Dương Nguyễn Thị Mỹ C1 vào ngày 03/12/2024 và 14/12/2024; 03 lần đi nhận ma túy của T về giao cho T3 với khối lượng 40 gam, loại Methamphetamine; 2,5 gam, loại Methamphetamine Luân mua của T về bán cho khách; 3,668 gam, loại Methamphetamine mua của T vào ngày 19/12/2024 thì bị Công an phát hiện thu giữ). Nên hành vi phạm tội nêu trên của Đặng Văn V1 L đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp “*Methamphetamine có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Đối với bị cáo Ngô Minh T3 đã 05 lần mua ma túy của Tô Văn T với tổng khối lượng 60 gam, loại Methamphetamine về bán lại cho Huỳnh Văn Đ2 và Đặng Văn V1 Luân và 0,4018 gam, loại MDMA khám xét chỗ ở của T3 thu giữ (số ma túy này T3 mua của một người không rõ lai lịch). Nên hành vi phạm tội nêu trên của Ngô Minh T3 đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp “*Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

-Đối với bị cáo Dương Nguyễn Thị Mỹ C1 03 lần mua ma túy của Tô Văn T với khối lượng 25 gam, loại Methamphetamine sau đó bán lại cho Đặng Văn V1 L và đối tượng T1 (không rõ lai lịch).

Bị cáo Trịnh Việt Hoài P1 nhiều lần mua ma túy của Nguyễn Thị Ánh N1, trong đó P1 chỉ nhớ ngày 25/12/2024 mua của N1 05 gam, loại Methamphetamine và mang về bán lại cho nhiều người không rõ lai lịch.

Bị cáo Huỳnh Phú M1 nhiều lần phụ giúp Nguyễn Thị Ánh N1 giao ma túy cho nhiều người không rõ lai lịch, trong đó ngày 25/12/2024, M1 phụ giúp N1 giao ma túy cho Trịnh Việt Hoài P1 với khối lượng 05 gam, loại Methamphetamine.

Nên hành vi phạm tội của Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, Trịnh Việt Hoài P1 và Huỳnh Phú M1 đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp “*Methamphetamine có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*” và “*Phạm tội 02 lần trở lên*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

- Đối với bị cáo Huỳnh Văn Đ2 nhiều lần mua ma túy của Ngô Minh T3 về phân chia bán lại cho khách kiếm lời, khám xét chỗ ở của Đ2 tại nhà không số, Ấp F, xã A, huyện B, tỉnh Long An thu giữ 1,4139 gam, loại Methamphetamine mà Đông tàng trữ để bán cho người nghiện. Nên hành vi phạm tội của Huỳnh Văn Đ2 đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp “*Phạm tội 02*

lần trở lên”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Các bị cáo đều là những người đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đặc biệt nghiêm trọng đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy. Các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý phạm tội, thể hiện ý thức coi thường và bất chấp pháp luật. Hành vi của các bị cáo là một trong những nguyên nhân dẫn đến làm tăng tệ nạn nghiện ngập ma túy, tạo tiền đề phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với tất cả các bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Tô Văn T đã hai lần mua ma túy để bán, mỗi lần từ 100 gam, loại Methamphetamine, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các bị cáo Nguyễn Hoàng Anh H, Nguyễn Thị Ánh N1, Giang Tấn Đ1, Đặng Văn Vũ L, Ngô Minh T3 tuy “Phạm tội 02 lần trở lên”, song số ma túy đã được cộng lại để truy tố các bị cáo khung hình phạt cao hơn, nên theo hướng dẫn tại Điều 5 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay và tại cơ quan điều tra, các bị cáo đều khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải nên cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoại trừ các bị cáo T, H, N1, T3, thì các bị cáo còn lại đều phạm tội chưa có tiền án, tiền sự nên cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Khi phạm tội bị cáo Dương Nguyễn Thị Mỹ C1 đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Trên đây là các tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ để Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với mỗi bị cáo.

[3] Về nhân thân, các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Hoàng Anh H, Nguyễn Thị Ánh N1, Ngô Minh T3 có nhân thân xấu, các bị cáo Giang Tấn Đ1, Đặng Văn Vũ L, Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, Trịnh Việt Hoài P1, Huỳnh Phú M1 và Huỳnh Văn Đ2 phạm tội khi chưa có tiền án, tiền sự, lần phạm tội này từ rất nghiêm trọng đến đặc biệt nghiêm trọng nên cần một mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo. Trên cơ sở bị cáo Tô Văn T, Giang Tấn Đ1 là đồng phạm với Nguyễn Hoàng Anh H, bị cáo Huỳnh Phú M1 đồng phạm nhiều lần phụ giúp Nguyễn Thị Ánh N1, bị cáo Đặng Văn Vũ L đồng phạm với Ngô Minh T3. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù trong trại giam một thời gian, tương xứng với hành vi phạm tội vai trò của từng bị cáo đã gây ra và cũng để cho các bị

cáo có đủ thời gian tự cải tạo, rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật, và cũng là để răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Song có xem xét vai trò đồng phạm của các bị cáo theo các Điều 50; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, Do bị cáo Giang Tấn Đ1 phạm tội chỉ là đồng phạm giúp sức, nên áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo Đ1 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[4] Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung theo khoản 5 hoặc khoản 6 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 (hoặc sửa đổi năm 2025) đối với các bị cáo vì các bị cáo có hành vi mua bán ma túy và đã thu lợi bất chính, cần buộc các bị cáo phải nộp một số tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung vào công quỹ nhà nước. Đồng thời Hội đồng xét xử không có cơ sở để thu khoản tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính, vì chỉ có lời khai của các bị cáo đối với khoản tiền này.

[5] Đối với đối tượng tên H7 bán ma túy cho H và các đối tượng mua ma túy của các bị cáo, do các bị cáo khai không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý. Hội đồng xét xử đề nghị tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ để xử lý theo các quy định của pháp luật, tránh bỏ lọt người phạm tội.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm truy tố các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Hoàng Anh H, Nguyễn Thị Ánh N1, Giang Tấn Đ1, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*); truy tố bị cáo Đặng Văn Vũ L, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*); truy tố bị cáo Ngô Minh T3, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*); truy tố các bị cáo Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, Trịnh Việt Hoài P1, Huỳnh Phú M1, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*); truy tố bị cáo Huỳnh Văn Đ2, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*) là có cơ sở để chấp nhận một phần, đồng thời không chấp nhận việc truy tố các bị cáo Đặng Văn Vũ L, Ngô Minh T3, Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, Trịnh Việt Hoài P1, Huỳnh Phú M1 và Huỳnh Văn Đ2 theo Bộ luật Hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*), cũng như, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị một phần về hình phạt đối với các bị cáo, cũng như chấp nhận một phần về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng.

Lập luận trên đây là cơ sở để chấp nhận lời bào chữa của các luật sư về các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cũng như chấp nhận lời bào chữa của các luật sư về không áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng Anh H, Nguyễn Thị Ánh N1,

Giang Tấn Đ1, Đặng Văn Vũ L, Ngô Minh T3. Đồng thời chấp nhận xét xử bị cáo Giang Tấn Đ1 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Song không có cơ sở chấp nhận lời bào chữa của các luật sư về đề nghị xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cũng như miễn toàn bộ hình phạt bổ sung cho các bị cáo bị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các luật sư bào chữa cho các bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; các luật sư, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện cơ bản đều hợp pháp.

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] *Về vật chứng của vụ án:*

- Đối với số tang tài vật còn lại theo biên bản trên không còn giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử thấy các vật chứng không được phép lưu hành và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các đồ vật thu giữ là điện thoại, cân điện tử... Hội đồng xét xử thấy đây là công cụ các bị cáo dùng để phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước; đối với điện thoại không liên quan đến việc phạm tội thì trả lại cho chủ sở hữu;

- Đối với các xe gắn máy hai bánh của do các bị cáo đứng tên chủ sở hữu, Hội đồng xét xử thấy phương tiện nào các bị cáo dùng để phạm tội thì tịch thu sung ngân sách nhà nước; đối với xe hai bánh gắn máy có chủ sở hữu rõ ràng không liên quan đến việc phạm tội thì trả lại cho chủ sở hữu; Đối với xe hai bánh gắn máy không rõ chủ sở hữu thì giao cho Thi hành án dân sự Thành phố H thông báo xử lý theo diện tài sản vắng chủ.

[8.2] *Về án phí:* Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

[8.3] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hình phạt:

1.1/ Căn cứ điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025;

Xử phạt bị cáo Tô Văn T: 20 (Hai mươi) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 09/01/2025.

Buộc bị cáo Tô Văn T phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

1.2/ Căn cứ điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Anh H: 20 (Hai mươi) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 09/01/2025.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Anh H phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

1.3/ Căn cứ điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ánh N1: 20 (Hai mươi) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 03/01/2025.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ánh N1 phải nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

1.4/ Căn cứ điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025;

Xử phạt bị cáo Giang Tấn Đ1: 18 (Mười tám) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 03/01/2025.

Buộc bị cáo Giang Tấn Đ1 phải nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

1.5/ Căn cứ điểm h khoản 3 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Ngô Minh T3: 17 (Mười bảy) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 03/01/2025.

Buộc bị cáo Ngô Minh T3 phải nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

1.6/ Căn cứ điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Vũ L: 17 (Mười bảy) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 19/12/2024.

Buộc bị cáo Đặng Văn Vũ L phải nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

1.7/ Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Dương Nguyễn Thị Mỹ C1: 08 (T9) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 28/4/2025.

Buộc bị cáo Dương Nguyễn Thị Mỹ C1 phải nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

1.8/ Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Huỳnh Phú M1: 07 (B2) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 03/01/2025.

Buộc bị cáo Huỳnh Phú M1 phải nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

1.9/ Căn cứ điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trịnh Việt Hoài P1: 08 (T9) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 03/01/2025.

Buộc bị cáo Trịnh Việt Hoài P1 phải nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

1.10/ Căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ2: 07 (B2) năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Thời hạn chấp hành án hình phạt tù kể từ ngày 25/12/2024.

Buộc bị cáo Huỳnh Văn Đ2 phải nộp phạt bổ sung số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngân sách nhà nước.

2/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự,

2.1/ Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 bịch nylon màu hồng; 01 hộp giấy bên trong có nhiều ống thủy tinh chứa tinh thể; 01 bóp da màu đen; 02 gói nylon chứa tinh thể; 02 gói nylon chứa tinh thể; 01 đoạn ống nhựa, 02 cái kéo; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 gói nylon rỗng; 01 hộp giấy màu đỏ; 01 hũ nhựa có chữ Coolair bên trong có 07 gói nylon chứa tinh thể; 02 đoạn ống nhựa; 02 cây kéo; 01 cây kéo; 01 hộp giấy màu đỏ bên trong có 03 gói nylon chứa tinh thể; 15 gói nylon rỗng; 01 giá nhựa màu đen; 03 đoạn ống hút nhựa; 01 hộp giấy bên ngoài có ghi chữ LEOPARD; 01 gói nylon chứa tinh thể; 05 gói nylon rỗng; 01 đoạn ống hút nhựa có 01 đầu cắt nhọn; 04 gói nylon chứa tinh thể; 14 gói nylon rỗng; 02 đoạn ống hút nhựa;

2.2/ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone có số EMEI1: 357371098450590, IMEI2: 357371098605441; 01 cân điện tử; 01 điện thoại di động hiệu Samsung có số EMEI1: 352469858257794/01, IMEI2: 357132378257794/01 cùng sim 0898941733; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A53 có số EMEI1: 864326055057354, IMEI2: 864326055057347 cùng sim 0356301737, 0329539524; 01 điện thoại di động loại Infinix, EMEI 1:354940436878481, EMEI 2:354940436878499; 01 cân điện tử; 01 điện thoại di động loại Xiaomi, EMEI 1: 863645056685900/00, EMEI 2:863645056685918/00; 01 cân điện tử; 01 điện thoại di động loại Iphone 16 Plus, EMEI 1: 355648189681247, EMEI 2:355648189625244; 01 điện thoại di động loại Iphone 16, EMEI 1: 356657559471328, EMEI 2:356657557757603; 01 điện thoại di động loại Iphone; 01 điện thoại di động loại Vivo; 01 điện thoại di động loại Xiaomi Redmi, EMEI 1: 864300064491243, EMEI 2:864300064491250; 01 điện thoại di động loại OPPO, EMEI 1: 860202042601378; 01 cân điện tử.

- 01 xe gắn máy hai bánh, biển số 62N1-816.74, số máy: KC34E1309817, số khung: RLHKC4400NY002440 thu giữ của Huỳnh Văn Đ2;

- 01 xe gắn máy hai bánh, nhãn hiệu XIONGSHI, số loại 110, màu sơn Xanh, biển số 70B1-462.10, Số khung XS110500008184, số máy LC152FMH00077823 thu giữ của Giang Tấn Đ1.

2.3/ Trả lại ông Đặng Văn S: 01 xe gắn máy hai bánh biển số 62H6-0007, số máy: 5VT108972, số khung: VYAJ5VT13YA008972.

2.4/ Trả lại cho ông Trịnh Việt T7: 01 xe gắn máy hai bánh, biển số 54M2-8565, nhãn hiệu: Suzuki, số loại: HAZATE UW125SC, màu sơn: Vàng đen, số máy: F4A5134246, số khung: RLSCF4EE080132806.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê theo phiếu nhập kho vật chứng số 66/2026/PNK ngày 30/7/2026 của Cơ quan quản lý kho vật chứng- PC11A, Công an Thành phố H);

3/ Về kiến nghị: Tiếp tục kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, điều tra đối với đối tượng tên H7 bán ma túy cho H và các đối tượng mua ma túy của các bị cáo, để làm rõ xử lý theo các quy định của pháp luật, tránh bỏ lọt người phạm tội.

4/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Tô Văn T, Nguyễn Hoàng Anh H, Nguyễn Thị Ánh N1, Giang Tấn Đ1, Đặng Văn Vũ L, Ngô Minh T3, Dương Nguyễn Thị Mỹ C1, Trịnh Việt Hoài P1, Huỳnh Phú M1 và Huỳnh Văn Đ2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28 tháng 7 năm 2026) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo về quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và 36. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|------|
| - TAND Tối cao; | (1) |
| - VKSND TPHCM; | (3) |
| - CQ THAHS CA.TP.HCM; | (10) |
| - CQCSĐT – CA.TP.HCM; | (1) |
| - Trại tạm giam Chí Hòa; | (8) |
| - Phân trại Chánh Hưng; | (1) |
| - Phân trại Bình Trị Đông; | (1) |
| - Bị cáo; | (10) |
| - Đường sự; | (5) |
| - Người bào chữa; | (4) |
| - THADS TPHCM; | (1) |
| - P. PV06 - CA TPHCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (10) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ. (60) | (4) |

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hồng Sơn